

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2020/HS-ST**

Ngày: 17/9/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Tường.

2/ Bà Hoàng Thị Đào.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2020/TLST – HS ngày 07 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66 /2020/QĐXXST–HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1975 tại huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An;

Trú tại: Xóm Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Sản xuất nông nghiệp; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn G con bà: Ngô Thị N.

Vợ: Nguyễn Thị Q và có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ: Từ ngày 05/7/2020 đến ngày 14/7/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Hợp.

Tạm giam: Không.

(Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại: Chị **Lê Thị T**; Sinh năm: 1985.

Trú tại: Xóm Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn Đ**; Sinh năm: 1956.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 29/6/2020, Nguyễn Văn Đ đi bộ từ nhà của mình sang nhà chị Lê Thị T ở cùng xóm Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An để chơi, khi đến sân nhà chị T, Đ không thấy có người ở nhà, nhưng cửa bếp vẫn mở sập không đóng, Đ nhìn thấy phía bên tay phải cửa nhà bếp theo hướng từ ngoài cửa đi vào có để 01 chiếc máy cắt cỏ hiệu HUSQVARNA model 143, màu vàng cam. Quan sát thấy không có ai ở nhà nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy cắt cỏ nêu trên đi bán lấy tiền tiêu xài, Đ đi vào bếp vác chiếc máy cắt cỏ đi ra vườn cam nhà chị T, rồi đi đến vườn cam nhà bà Hoàng Thị L, sinh năm 1966 trú tại xóm C, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (cách nhà của chị T khoảng 50 mét) để cất giấu máy cắt cỏ vừa lấy được vào bờ lô (bờ có cây cỏ tốt) lấy cành cây che đậy lên trên rồi đi về nhà.

Đến khoảng 7 giờ ngày 30/6/2020 trong lúc đi chăn dê của gia đình, Đ đã gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn D (là chú ruột của Đ) nói “Cháu mới mua của người khác một cái máy cắt cỏ, máy đang tốt, loại to, chú có mua không cháu bán lại cho” ông D nói Đ đưa máy ra xem để mua, đến khoảng 14 giờ cùng ngày Đ điều khiển xe máy đi đến cửa hàng phân bón của ông D ở xóm Đ, xã N gặp ông D thỏa thuận bán chiếc máy cắt cỏ với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), sau đó ông D nhờ Đ chở hộ chiếc máy cắt cỏ về nhà mình ở xóm T, xã N, số tiền sau khi bán máy cắt cỏ có được Đ đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 05/7/2020 nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình Đ đã tự nguyện đến Công an xã M, huyện Q để đầu thú và thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận “Định giá 01 chiếc máy cắt cỏ nhãn hiệu HUSQVARNA model 143, màu vàng cam, chấn bụn (bụi) màu đen, có bát quạt cỏ bằng inox hồng hai chốt đã được hàn lại, mua tháng 7/2019, đã qua sử dụng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng chẵn)”.

Bản cáo trạng số: 57/CT-VKSQH ngày 06/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu, bị cáo hoàn toàn nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An đối bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại máy cắt cỏ cho chủ sở hữu tài sản nên đề nghị miễn xét.

Bị cáo không có ý kiến, tranh luận gì thêm.

Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết luận định giá tài sản, bản tự khai, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập tại hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 29/6/2020 tại nhà bếp của gia đình chị Lê Thị T ở xóm Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc máy cắt cỏ nhãn hiệu HUSQVARNA model 143, màu vàng cam, chấn bùn (bụi) màu đen, có bát quạt cỏ bằng inox hỏng hai chốt đã được hàn lại, máy đã qua sử dụng, có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại. Vụ án xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân, nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội, nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình nên đã tự nguyện ra đầu thú, đó là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, giá trị tài sản không lớn, căn cứ vào Điều 65 BLHS và hướng dẫn của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn D là người đã mua chiếc máy cắt cỏ với Nguyễn Văn Đ, do ông D không biết tài sản do Đ phạm tội mà có, không hứa hẹn trước về việc mua tài sản bất hợp pháp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bà Hoàng Thị L là chủ lô cam nơi bị cáo Đ cất giấu tài sản trộm cắp tại bờ lô, bà L hoàn toàn không biết việc Đ cất giấu máy cắt cỏ trộm cắp được tại lô cam của mình nên không có căn cứ xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, ...*” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo không có tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Chiếc máy cắt cỏ đã được cơ quan điều tra Công an trả lại cho người bị hại (Quyết định xử lý vật chứng số 32, ngày 21/7/2020) nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Thị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D có đơn không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ 08 (Tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2020).

Giao bị cáo về cho chính quyền UBND xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh hợp;
- Bị cáo;
- Bị hại, NCQLNVLQ;
- lưu HS, VP ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông